TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 4 – 2022
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Sa R, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 254 khóm Đ, Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Anh Sơn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Nhà không số ấp T, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 03/3/2022, nguyên đơn Kim Thị Sa R trình bày:

Vào năm 2016, chị Kim Thị Sa R kết hôn với anh S và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/7/2017. Trong thời gian sống chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung là cháu Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khi chị R mang thai con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên năm 2018 chị R về sống với cha mẹ ruột của chị R tại Số nhà 254 khóm Đ, Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị Kim Thị Sa R yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị Sa R yêu cầu được ly hôn với anh Sơn N.

- Về con chung: Chị Kim Thị Sa R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017; chị R không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị R giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Sơn Kim Quỳnh Nh.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2022, bị đơn anh Sơn N trình bày: Anh N và chị Kim Thị Sa R kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Hai vợ chồng có 01 một con chung là cháu Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017, cháu Nh hiện đang sống với mẹ. Sau kết hôn, anh N ở nhà cha mẹ chị R, sau đó cả hai vợ chồng đi làm công tại Sài Gòn được một thời gian rồi về Vĩnh Châu sống cho đến nay. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng anh N có nợ chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, anh N có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Sơn N đồng ý ly hôn với chị Kim Thị Sa R.

- Về con chung: Anh Sơn N đồng ý giao cho chị Kim Thị Sa R được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017 đến đủ 18 tuổi; anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Sơn N cho rằng là tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị R được ly hôn với anh N, giao cho chị R được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N không cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị R phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị R khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Sơn N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của chị R được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Kim Thị Sa R và bị đơn Sơn N đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, các đương sự có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Sơn Kim Quỳnh Nh cũng như lời thừa nhận của hai

bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị R và anh N về việc kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/7/2017 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị R và anh N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị R và anh N không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị R và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị R được ly hôn với anh N.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Sơn Kim Quỳnh Nh còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ, như vậy chị R đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh N, suốt thời gian chị R nuôi con, anh N đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh N đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh N cũng đồng ý giao cho chị R được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh, nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị R được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017 đến khi thành niên; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự khẳng định tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị R phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kim Thị Sa R được ly hôn với anh Sơn N.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Kim Thị Sa R được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Sơn Kim Quỳnh Nh (nữ), sinh ngày 04/10/2017 đến khi cháu Nh thành niên, lao động được. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R, về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị Kim Thị Sa R nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Nh, chị R có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh N có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị Sa R phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002184 ngày 15/11/2021

của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Ri đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Kim Thị Sa R và anh Sơn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND Phường B,
thị xã Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.